

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 02 năm 2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Ông Vũ Hùng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trần Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 380/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1994.

ĐKHKTT: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Trần Mạnh C, sinh năm 2003.

ĐKHKTT: Thôn P, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy K
- Luật sư Công ty L - Đoàn Luật sư thành phố H.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1989.

Đều ĐKHKTT: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn ngày 29/7/2015 tại UBND xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, cuộc sống

vợ chồng ban đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống.

Sau đó, vợ chồng đã nhiều lần tìm cách nói chuyện, hàn gắn nhưng mâu thuẫn không cải thiện mà những mâu thuẫn vẫn tồn tại dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Do sống ly thân một thời gian dài nên cả hai gần như không thể hàn gắn được mâu thuẫn. Từ những năm gần đây, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên hơn, ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai bên. Đã rất nhiều lần vợ chồng chủ động trao đổi để tìm cách giải quyết mâu thuẫn, gia đình cũng tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến năm 2019 thì vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến nhau, gần như mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Chị đã nhiều lần làm việc, trao đổi với anh T để giải quyết thủ tục ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân đầy mâu thuẫn nhưng anh T không hợp tác, tỏ thái độ chống đối, anh T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ tình cảm, tháo gỡ cuộc sống hôn nhân đã đổ vỡ.

Nay chị T nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị Đặng Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Lê Tiến M, sinh ngày 25/08/2014 và cháu Lê Đặng Bảo N, sinh ngày 23/07/2017.

- Nay ly hôn, do phải đi làm ăn xa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giao cháu Lê Tiến M và cháu Lê Đặng Bảo N cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi hai cháu thành niên. Nhưng chị được biết hiện nay anh T cũng bận đi làm ăn xa nên chị đề nghị tạm giao hai cháu cho ông bà nội cháu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục khi nào bố cháu về thì đón các cháu sau. Chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi cháu 3.000.000đ/01 cháu/01 tháng, hai cháu là 6.000.000đ/01 tháng từ khi ly hôn cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Tại phiên tòa, chị T thay đổi quan điểm về việc nuôi con chung, chị T cho biết, sau khi ly hôn chị sẽ mở cửa hàng chuyên về làm đẹp tại thành phố V do đó chị xác định có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung nên chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung là: Cháu Lê Tiến M, sinh ngày: 25/08/2014 và cháu Lê Đặng Bảo N, sinh ngày: 23/07/2017 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi hai cháu thành niên. Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Đặng Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Mạnh C nhất trí với trình bày của chị T không bổ sung gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Nguyễn Huy K nhất trí với trình bày của chị T không bổ sung gì.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 24/12/2024, Công an xã K. thành phố V cung cấp: anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Anh Lê Văn T hiện không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lê Văn T theo quy định của pháp luật. Theo yêu cầu của anh Trần Mạnh C là người đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thị T, Tòa án đã đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam đồng thời thông báo trên cổng thông tin điện tử Tòa án để thông báo cho anh Lê Văn T về việc giải quyết vụ án và thông báo cho anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên quan điểm đã trình bày, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung đề nghị giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do anh T hiện không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp do chị T không yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được thông báo triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Đại diện VKSND TP Việt Trì đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Tiến M, sinh ngày: 25/08/2014 và cháu Lê Đặng Bảo N, sinh ngày: 23/07/2017 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu. Hai bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Tòa án không giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Chị Đặng Thị T phải chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền chi phí tố tụng. Xác nhận anh Trần Mạnh C đã nộp đủ.

Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết ly hôn anh Lê Văn T, anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp về việc xin ly hôn, nuôi con chung giữa chị Đặng Thị T và anh Lê Văn T là tranh chấp Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại Công an xã K, thành phố V xác định anh T hiện không có mặt tại địa phương, nên để đảm bảo cho anh Lê Văn T biết được thông tin về các văn bản tố tụng được Tòa án thông báo, theo yêu cầu của chị Đặng Thị T, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho anh Lê Văn T theo đúng quy định tại Điều 180 BLTTDS. Do anh Lê Văn T vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn T đã được thông báo triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Văn T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 29/07/2015 tại UBND xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, sau khi xem xét đơn ly hôn của chị T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân một thời gian dài nên cả hai gần như không thể hàn gắn được mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi chị T, anh T đang cư trú xác định vợ chồng chị T, anh T có mâu thuẫn, anh T hiện không có mặt tại địa phương, anh T đã đi lao động nước ngoài từ năm 2019 còn chị T đi lao động nước ngoài từ năm 2022. Từ những căn cứ trên, HĐXX có đủ cơ sở xác định anh T và chị T đã sống ly thân nhiều năm, vợ chồng không còn quan tâm hàn gắn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Tiến M, sinh ngày 25/08/2014 và cháu Lê Đặng Bảo N, sinh ngày 23/07/2017, hiện nay cả hai cháu đang ở với bà nội là bà Nguyễn Thị T. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi cháu Lê Tiến M và cháu Lê Đặng Bảo N, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. HĐXX xét thấy: Hiện nay anh T hiện không

có mặt tại địa phương, chị T có đủ điều kiện để nuôi cả hai con vì chị xác định sẽ mở cửa hàng chuyên về làm đẹp tại thành phố V để tiện chăm sóc các cháu và có thu nhập để lo cho các cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T trực tiếp nuôi cả hai con chung là phù hợp thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con xét thấy yêu cầu của chị T là tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Nguyên đơn chị Đặng Thị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị Đặng Thị T phải chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

[4]. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 180, khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Tiến M, sinh ngày 25/08/2014 và cháu Lê Đặng Bảo N, sinh ngày 23/07/2017 cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu hai cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh Lê Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Tòa án không giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Đặng Thị T phải chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền chi phí tố tụng. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003289 ngày 28/11/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP. Việt Trì;
- Chi cục THADS TP.Việt Trì;
- UBND xã Kim Đức, tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Trang